

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2024/DS-ST
Ngày: 28 tháng 9 năm 2024
V/v: “Chia di sản thừa kế”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HOÁ
- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuấn.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Quách Thị Tình; Ông Quách Hà Vĩnh.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024. Về: “ Chia di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2024/QĐXXST- DS ngày 27 tháng 8 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 39/2024/QĐST- DS ngày 12 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Vũ Thị H** - sinh năm: 1966
Địa chỉ: **thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.**
Căn cước công dân: 038166024503; cấp ngày: 19/8/2021
- **Bị đơn:** Ông **Vũ Văn N** - sinh năm: 1969
Địa chỉ: **thôn A xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.**
- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**
1- Bà **Vũ Thị H1**, sinh năm 1964
Địa chỉ: **Thị trấn I, huyện C, tỉnh Gia Lai.**
Bà **Vũ Thị H1** ủy quyền cho ông **Vũ Văn N**.
(Giấy ủy quyền ngày 10/7/2024).
2- Ông **Vũ Văn D** - Sinh năm 1960.

Nơi cư trú cuối cùng: **Thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.** Đã được Toà án nhân dân huyện Thạch Thành tuyên bố mất tích ngày 15/3/2023.

3 - Chị **Vũ Thị L** - Sinh năm: 1980

Địa chỉ: **thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.**

4 – Anh **Vũ Hoàng G** - Sinh năm 1984.

Địa chỉ: **Đây C, V, huyện T, tỉnh An Giang.**

5 - Anh **Vũ Long H2** - Sinh năm 1985.

Địa chỉ: **xã H, huyện H, tỉnh Bình Định.**

6 – Anh **Vũ Minh H3** - Sinh năm 1987.

Địa chỉ: **Thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.**

Các anh **Vũ Hoàng G, Vũ Long H2, Vũ Minh H3** ủy quyền cho anh **Vũ Khắc K.**
(Giấy ủy quyền ngày 10/7/2024).

7 – Anh **Vũ Khắc K** - Sinh năm 1997.

Địa chỉ: **Thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.**

Căn cước công dân: 03806902538; cấp ngày: 14/9/2021

8 - Bà **Phạm Thị T** - sinh năm 1975 (vợ ông **Vũ Văn N**).

Địa chỉ: **Thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.**

Căn cước công dân: 038175022337; cấp ngày: 12/7/2021

Tại phiên tòa có mặt bà **Vũ Thị H**, ông **Vũ Văn N**, anh **Vũ Khắc K**, chị **Vũ Thị L**, bà **Phạm Thị T**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/6/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà **Vũ Thị H** trình bày:

Bố mẹ bà **H** là: cụ **Vũ Ngọc U**, đã chết năm 2010 và cụ **Lê Thị H4** đã chết năm 2013. Bố mẹ bà **H** sinh được 5 người con là:

- **Vũ Hoàng O** (Đã chết) năm 2003;
- **Vũ Văn D** (Đã được Tòa án **ND huyện T** tuyên bố mất tích) ngày 15/3/2023;
- **Vũ Thị H1**;
- **Vũ Thị H**;
- **Vũ Văn N**.

Khi còn sống bố mẹ bà **H** tạo dựng được 1 thửa đất số thửa 812, tờ bản đồ 15, CNQSDĐ số: AN 541007 được Ủy ban nhân dân huyện **T** cấp ngày 20/01/2008, diện tích 1448m². Địa chỉ thửa đất tại **đội F, thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa**. Thửa đất trên hiện nay do ông **Vũ Văn N**, bà **Phạm Thị T** đang quản lý sử dụng.

Bố mẹ bà **H** chết không để lại di chúc. Nay bà **H** yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa chia di sản của bố, mẹ để lại là thửa đất số: 812, tờ bản đồ 15, diện tích 1448m². Cụ thể bà **H** đề nghị chia thửa đất như sau:

- Chia cho các con ông **Vũ Hoàng O** (Đã chết) 1 phần thửa đất. Cụ thể là chia cho anh **Vũ Khắc K** 100 m². Chiều dài 20m, chiều rộng 5 m có tứ cạnh như sau: Phía Bắc giáp đất nhà bà **H6** dài 20m, phía Nam giáp đất ông **N** đang quản lý sử dụng dài 20m; phía Đông giáp đất ông **N** đang quản lý sử dụng dài 5m; phía Tây giáp đường Bê tông của **xóm F, thôn A, xã T, huyện T** dài 5m.

- Chia cho ông **Vũ Văn D** (Đã được Tòa án ND huyện Thạch Thành tuyên bố mất tích); 250 m², phần đất của ông **D** tạm giao cho ông **Vũ Văn N** quản lý sử dụng.

- Chia cho bà **Vũ Thị H**) 250 m² thửa đất. Phần của bà **H**, bà **H** tự nguyện cho ông **N** toàn bộ.

- Chia cho bà **Vũ Thị H1** 250 m² thửa đất.

- Chia cho ông **Vũ Văn N** toàn bộ diện tích đất còn lại (Vì ông **N** có công chăm sóc mẹ, bảo quản, tôn tạo tài sản của bố mẹ để lại).

Về án phí: Bà **H** đề nghị, ông **Vũ Văn N** chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

* Tại bản tự khai và tại phiên hòa giải ông **Vũ Ngọc N1** trình bày:

Bố mẹ ông **N1** là: Ông **Vũ Ngọc U**, và bà **Lê Thị H4**, hiện nay cụ **U** và cụ **H4** đã chết.

Khi còn sống cụ **U** và cụ **H4** tạo dựng được 1 thửa đất có CNQSDĐ số: AN 541007 được Ủy ban nhân dân huyện **T** cấp ngày 20/01/2008, khi bố mẹ chết không để lại di chúc. Hiện nay do ông **Vũ Văn N** và vợ ông **N** là **Phạm Thị T** đang quản lý sử dụng.

Nay bà **H** làm đơn này yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa chia di sản của bố, mẹ để lại là thửa đất số: 812, tờ bản đồ 15, (Theo biên bản thẩm định ngày 06/8/2024 thửa đất có diện tích là 1464,7 m²). Ông **N** thống nhất như ý kiến phân chia như bà **Vũ Thị H** đề nghị, cụ thể như sau:

- Chia cho anh **Vũ Khắc K** 100 m². Chiều dài 20m, chiều rộng 5 m có tứ cạnh như sau: Phía Bắc giáp đất nhà bà **H6** dài 20m, phía Nam giáp đất ông **N** đang quản lý sử dụng dài 20m; phía Đông giáp đất ông **N** đang quản lý sử dụng dài 5m; phía Tây giáp đường Bê tông của **xóm F thôn A, xã T** dài 5m.

- Chia cho ông **Vũ Văn D** diện tích đất 250 m² (Phần đất của ông **D** tạm giao cho ông **Vũ Văn N** quản lý, khi nào ông **D** trở về ông **N** sẽ có trách nhiệm giao lại cho ông **D**).

- Chia cho bà **Vũ Thị H1** 250 m²;

- Chia cho bà **Vũ Thị H** 250 m².

Bà **H1** và bà **H** đã cho ông **N** toàn bộ phần đất của bà **H1** và bà **H** được hưởng, ông **N** thống nhất nhận phần đất của bà **H1** và bà **H** đã cho ông **N**.

Về án phí: Ông **Vũ Văn N** chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, anh **Vũ Khắc K**:

Ông, bà nội anh **K** là cụ **Vũ Ngọc U**, và cụ **Lê Thị H4**, hiện nay hai cụ đã chết. Khi còn sống cụ **U** và cụ **H4** tạo dựng được 1 thửa đất có CNQSDĐ số: AN 541007 được Ủy ban nhân dân huyện **T** cấp ngày 20/01/2008,

Bố anh **K** là ông **Vũ Hoàng O**, là con đầu của cụ **U** và cụ **H4**. Hiện nay ông **O** đã chết năm 2003. Bố anh **K** sinh được 5 người con là: **Vũ Thị L**; **Vũ Hoàng G**; **Vũ Long H2**; **Vũ Minh H3**; **Vũ Khắc K**. Nay bà **H** yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ **U** và cụ **H4** để lại. Qua ý kiến của bà **H**, ông **N** về chia đất của các cụ **U** và cụ **H4** để lại, anh **K** có ý kiến như sau:

Ông **Vũ Hoàng O** được hưởng một phần di sản của cụ **U**, cụ **H4** để lại là một phần thửa đất số: 812, tờ bản đồ 15, diện tích hiện nay là 1464,7m². Nay bố anh **K** (ông **Vũ Hoàng O**) đã chết. Anh **K** là con đẻ của ông **O** nên được thừa kế thế vị. Anh **K** được anh **Vũ Hoàng G**, anh **Vũ Long H2**, anh **Vũ Minh H3** ủy quyền quyết định tất cả các vấn đề cần giải quyết trong vụ án. Chị **Vũ Thị L** cũng cho anh **K** phần của chị **L**. Vì vậy anh **K** thống nhất như ý kiến của ông **N** và bà **H**, cụ thể là anh **K** chỉ nhận diện tích đất 100 m². (Có chiều dài 20m, chiều rộng 5 m có tứ cạnh như sau: Phía Bắc giáp đất nhà bà **H6** dài 20m, phía Nam giáp đất ông **N** đang quản lý sử dụng dài 20m; phía Đông giáp đất ông **N** đang quản lý sử dụng dài 5m; phía Tây giáp đường Bê tông của xóm **F** thôn **A**, xã **T** dài 5m.

Về án phí: Anh **K** đề nghị, ông **Vũ Văn N** chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà **Phạm Thị T** Trình bày:

Bà **T** thống nhất như ý kiến của ông **Vũ Văn N**, bà **Vũ Thị H** và anh **Vũ Khắc K**.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, chị **Vũ Thị L** Trình bày:

Bố anh **K** là ông **Vũ Hoàng O**, là con đầu của cụ **U** và cụ **H4**. Hiện nay ông **O** đã chết. Bố chị **L** sinh được 5 người con là: **Vũ Thị L**; **Vũ Hoàng G**; **Vũ Long H2**; **Vũ Minh H3**; **Vũ Khắc K**. Theo quy định của pháp luật chị **L** được hưởng một phần di sản thế vị của ông **O**. Chị **L** và các anh **Vũ Hoàng G**; **Vũ Long H2**; **Vũ Minh H3**; **Vũ Khắc K** đã thống nhất, Phần đất các con ông **O** được hưởng, chị **L**, anh **G**, anh **H2**, anh **H3** không nhận mà cho anh **Vũ Khắc K**. Chị **L** đề nghị giao cho anh **Vũ Khắc K** diện tích đất là 100 m² có (Chiều dài 20m, chiều rộng 5 m) để anh **K** sử dụng làm nhà, phần đất còn lại giao cho ông **N**, quản lý sử dụng.

Chị **L** thống nhất như ý kiến của ông **Vũ Văn N**, bà **Vũ Thị H** và anh **Vũ Khắc K**.

Quá trình giải quyết vụ án, ông **Vũ Văn N** đã có đơn yêu cầu Tòa án xác minh, thẩm định và định giá tài sản. Ngày 06/8/2024 Tòa án đã thẩm định, Hội đồng định giá đã định giá tài sản, thửa đất có diện tích là 1464,7 m², trị giá thửa đất là 439.410.000 đ (Bốn trăm ba mươi chín triệu bốn trăm mười nghìn đồng), có Tứ cận như sau: Phía Đông giáp hẻm nước chiều dài là 23,67m, phía Tây giáp đường bê tông **xóm F** chiều dài là 27,86m, phía Nam giáp đất gia đình ông **Tạ Đức H5** chiều dài là 54,57m, phía Bắc hộ bà **Đặng Thị H6** chiều dài là 53,85m.

Tại Phiên tòa bà **H**, ông **N**, anh **K**, chị **L** giữ nguyên yêu cầu không có ý kiến gì thêm.

Bà **Phạm Thị T** trình bày: Trước đây theo bản tự khai và quá trình hòa giải bà có yêu cầu trích công sức cho bà trong việc trông coi, bảo quản, tôn tạo thửa đất và công chăm sóc các cụ **U**, cụ **H4**. Nay bà **T** xin rút toàn bộ yêu cầu, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà **Vũ Thị H**, Ông **Vũ Văn N**, bà **Phạm Thị T**, anh **Vũ Khắc K**, chị **Vũ Thị L** thống nhất: Ông Năm chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Ông **Vũ Văn N** tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện VKSND huyện Thạch Thành phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của nguyên đơn;
- Chấp nhận việc rút yêu cầu trích công sức của bà **Phạm Thị T**.
- Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự về phân chia thửa đất của cụ **Vũ Ngọc U** và cụ **Lê Thị H4** để lại. Cụ thể:
 - Giao cho anh **Vũ Khả K** diện tích đất 100 m².
 - Giao cho ông **Vũ Văn D** diện tích đất 250 m²(Diện tích đất giao cho ông **D** sẽ tạm giao cho ông **Vũ Văn N** quản lý, sử dụng).
 - Giao cho ông **Vũ Văn N** toàn bộ diện tích đất đất còn lại).

Về án phí, chi phí tố tụng: Chấp nhận sự tự nguyện của ông **Vũ Văn N** về việc chịu toàn bộ án phí DSST và chi phí tố tụng đối với vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp chia di sản thừa kế, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS thì đây là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại xã T, huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo giấy chứng tử của UBND xã T cấp, cụ Vũ Ngọc U mất ngày 27/4/2010, cụ Lê Thị H4 mất ngày 04/9/2013; Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015, thời hiệu khởi kiện tranh chấp thừa kế là 30 năm tính từ ngày 10/9/1990, nên việc các đương sự yêu cầu chia thừa kế là đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Xét về nguồn gốc đất: Vợ chồng cụ Vũ Ngọc U, cụ Lê Thị H4 tạo dựng được một thửa đất tại thôn A xã T với diện tích 1448 m², (Theo biên bản thẩm định ngày 06/8/2024 thửa đất có diện tích là 1464,7 m²). Diện tích đất trên không có tranh chấp, đã được cấp GCNQSDĐ, như vậy đây là diện tích đất hợp pháp thuộc quyền sử dụng của cụ U và cụ H4.

[4] Về di sản thừa kế: Các cụ Vũ Ngọc U và Lê Thị H4 chết không để lại di chúc, di sản của các cụ để lại thửa đất 805, có diện tích là 1448 m² nay theo biên bản thẩm định có diện tích là 1464,7m². Đây là di sản của cụ U và cụ H4 để lại là tài sản chưa chia cho ai. Nay các con thống nhất, thỏa thuận phân chia. Đây là sự thống nhất, thỏa thuận tự nguyện của các đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về yêu cầu chia di sản của bà H HĐXX thấy: Do xác định di sản cụ U, cụ H4 chưa chia cho ai. Bà H, Ông N, bà H1 và các con ông Vũ Hoàng O thống nhất thỏa thuận chia di sản này cho ông N, bà H, ông D, bà H1, ông O (Ông Vũ Hoàng O đã chết nên chia cho các con ông O là chị L, anh H2, anh G, anh H3 và anh K (Là thừa kế thế vị) là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Đối với việc bà Phạm Thị T rút toàn bộ yêu cầu trích công sức cho bà trong việc trông coi, bảo quản, tôn tạo thửa đất và công chăm sóc các cụ U, cụ H4, HĐXX thấy: Bà T xin rút toàn bộ yêu cầu, không đề nghị Tòa án giải quyết là sự tự nguyện của bà T, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận và cần áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật TTDS để đình chỉ yêu cầu của bà T.

[7] Từ sự thống nhất thỏa thuận của Bà H, Ông N, bà H1, chị L, anh H2, anh G, anh H3 và anh K. Di sản của cụ U, cụ H4 để lại được phân chia như sau:

- Chia cho anh **Vũ Khắc K** quản lý sử dụng diện tích đất là 100m² (đất ở), trị giá 30.000 đ (Ba mươi đồng). Phía Bắc giáp đất nhà bà **Đặng Thị H6** dài 20,1m, phía Nam giáp đất ông **Vũ Văn D** (Đất ông **D** được tạm giao cho ông **N** quản lý sử dụng) dài 20m; phía Đông giáp đất ông **N** đang quản lý sử dụng dài 5m; phía Tây giáp đường Bê tông của **xóm F, thôn A, xã T** dài 5 m.

- Chia cho ông **Vũ Văn D** (Đã được Tòa án ND huyện Thạch Thành tuyên bố mất tích ngày 15/3/2023) 250 m², Trị giá 75.000.000 đ (Bảy mươi lăm triệu đồng). Tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đất giao cho anh **Vũ Khắc K** dài 20.1m, phía Nam giáp đất giao cho ông **Vũ Văn N** dài 35,1m; phía Đông giáp đất ông **N** đang quản lý sử dụng dài 10m; phía Tây giáp đường Bê tông của **xóm F thôn A, xã T** dài 5 m. phần đất của ông **Vũ Văn D** tạm giao cho ông **Vũ Văn N** quản lý sử dụng.

- Phần đất còn lại giao cho ông **Vũ Văn N**, có diện tích là 1114,7 m, Trị giá 334.410.000 đồng là phù hợp.

[8]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản: Chi phí hết 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất thỏa thuận: Ông **Vũ Văn N** chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản. Đây là sự tự nguyện của các đương sự nên được chấp nhận. Ông **N** đã nộp đủ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản.

[9]. Về án phí:

Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất thỏa thuận: Ông Vũ Văn N chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật, số tiền bà Vũ Thị H nộp tạm ứng án phí sẽ trừ vào số tiền án phí cho ông Vũ Văn N. Đây là sự tự nguyện của các đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39; khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 609, 611, 612, 613, 614, 616, 618, 623, 649, 650, 651, 652 của Bộ luật dân sự; Luật HNGĐ 1959; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

1 - Chấp nhận yêu cầu về chia di sản thừa kế của bà **Vũ Thị H**, ông **Vũ Văn N**, bà **Vũ Thị H1**, **Vũ Thị L**, anh **Vũ Hoàng G**, anh **Vũ Long H2**, anh **Vũ Minh H3**, anh **Vũ Khắc K** đối với di sản của cụ **Vũ Ngọc U** và cụ **Lê Thị H4**.

2 - Đình chỉ yêu cầu trích công sức của bà **Phạm Thị T** đối với di sản của cụ **Vũ Ngọc U** và cụ **Lê Thị H4** để lại.

3- Xác nhận cụ **Vũ Ngọc U** và cụ **Lê Thị H4** có thửa đất số: 812, tờ bản đồ 15, diện tích 1464,7m² đất ở. Địa chỉ thửa đất tại **đội F, thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa**. (Theo biên bản thẩm định ngày 06/8/2024 thửa đất có diện tích là 1464,7 m²). Trị giá thửa đất 439.410.000 đồng. Tứ cận như sau: Phía Đông giáp hẻm nước có chiều dài là 23,67m, phía Tây giáp đường bê tông **xóm F** có chiều dài là 27,86m, phía Nam giáp đất gia đình ông **Tạ Đức H5** chiều dài là 54,57m, phía Bắc hộ bà **Đặng Thị H6** có chiều dài là 53,85m.

Di sản của cụ **Vũ Ngọc U** và cụ **Lê Thị H4** được chia như sau:

- Chia cho anh **Vũ Khắc K** quản lý sử dụng diện tích đất là 100m² (đất ở), trị giá 30.000đ (Ba mươi triệu đồng). Phía Bắc giáp đất nhà bà **Đặng Thị H6** dài 20,1m, phía Nam giáp đất chia cho ông **Vũ Văn D** (Đất ông **D** được tạm giao cho ông **N** quản lý sử dụng) dài 20,1m; phía Đông giáp đất ông **N** đang quản lý sử dụng dài 5m; phía Tây giáp đường Bê tông của **xóm F, thôn A, xã T** dài 5 m.

- Chia cho ông **Vũ Văn D** (Đã được Tòa án ND huyện Thạch Thành tuyên bố mất tích ngày); 250 m², phần đất của ông **Vũ Văn D** tạm giao cho ông **Vũ Văn N** quản lý sử dụng. Trị giá 75.000.000 đ (bảy mươi lăm triệu đồng). Tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đất giao cho anh **Vũ Khắc K** dài 20,1m và giáp đất nhà bà **Đặng thị H6** dài 15,1m, phía Nam giáp đất giao cho ông **Vũ Văn N** dài 35,1m; phía Đông giáp đất ông **N** đang quản lý sử dụng dài 10m; phía Tây giáp đường Bê tông của **xóm F, thôn A, xã T** dài 5 m.

- Phần đất còn lại giao cho ông **Vũ Văn N**, bà **Phạm Thị T** có diện tích là 1114,7 m, Trị giá 334.410.000 đồng. (Có sơ đồ kèm theo các thửa đất).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật ông **Vũ Văn N**, anh **Vũ Khắc K**, ông **Vũ Văn D** có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thu hồi GCNQSDĐ số: AN 541007 của **UBND huyện T** cấp ngày 20/01/2008 và làm thủ tục cấp giấy CNQSDĐ theo quyết định của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành Thành, tỉnh Thanh Hóa. (Có sơ đồ kèm theo).

4 - Về án phí: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Ông **Vũ Văn N** phải chịu toàn bộ án phí đối với giá trị tài sản được chia cho các đương sự theo quy định của pháp luật là 21.970.500đ (Hai mươi một triệu, chín trăm bảy mươi nghìn năm trăm đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà **Vũ Thị H** đã nộp (theo thỏa thuận của các đương sự) là 750.000 đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số: 0002336 ngày 25/6/2024 của Chi cục thi hành án huyện Thạch Thành. Ông **Vũ Văn N** còn phải nộp tiếp số tiền án phí chia di sản thừa kế là 21.220.500 đ (Hai mươi một triệu, hai trăm hai mươi nghìn năm trăm đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự và Điều 7a,7b Luật sửa đổi, bổ sung luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bà **Vũ Thị H**, ông **Vũ Văn N**, anh **Vũ Khắc K**, chị **Vũ Thị L** và bà **Phạm Thị T**, vắng mặt ông **Vũ Văn D**. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông **Vũ Văn D** có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Thạch Long;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tuấn

